

Số: 24/2018/QĐST-DS

Mang Thít, ngày 06 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 77/2017/TLST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ông Mai Văn N**, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp Phước Thới C, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

* Bị đơn:

1. **Ông Nguyễn Văn C**, sinh năm 1950

2. **Bà Trần Thị M**, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp PTC, xã BP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bà Lê Thị Thanh N1**, sinh năm 1974

Địa chỉ: C36, Khóm 3, Phường 3, Phó Cơ Điều, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/Nguyên đơn ông Mai Văn N, bị đơn bà Trần Thị M, ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh N1 thống nhất thỏa thuận: Vô hiệu “giấy cổ đất” ngày 27/3/2013 giữa ông Mai Văn N và ông

Nguyễn Văn C, bà Trần Thị M đối với thửa đất số 269, diện tích 190m² và chiết thửa số 268, diện tích 1.760m², cùng tọa lạc tại ấp PTC, xã BP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn ông C và bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24K. Đối với phần đất cổ nêu trên, hiện nay ông N đã trả lại cho ông C, bà M xong nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chi phí khảo sát đo đạc, thẩm định: ông Mai Văn N tự nguyện nộp số tiền 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng), ông N đã nộp xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2/ Án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị M có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 1.710.000 đồng (Một triệu bảy trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với số vàng phải trả cho anh N và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu vô hiệu “giấy cổ đất” ngày 27/3/2013 giữa ông Mai Văn N và ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị M.

Hoàn trả lại cho ông Mai Văn N số tiền 1.734.000 đ (Một triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT, theo lai thu số N^o 0006094 ngày 11 tháng 10 năm 2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAT;
- VKSND huyện MT;
- Chi cục THADS huyện MT;
- Đs;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Võ Thị Tám